

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DS-ST.

Ngày: 23/9/2022.

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng, Hợp đồng
phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG-TỈNH HẢI DƯƠNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhan.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hà Thị Thúy, bà Nguyễn Thị Bích Nga.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Vũ Thị Xuân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 24/2022/TLST-DS ngày 04/5/2022 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2022, Thông báo hoãn phiên tòa ngày 16/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2022/QĐ-HPT ngày 16/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng (AB)**. Địa chỉ trụ sở: Số 198 C, phường C1, quận C2, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân Cao D1 - Giám đốc AB chi nhánh H (Theo giấy ủy quyền số 744 ngày 18/10/2021). Địa chỉ: Số 66 E, phường E1, E2, tỉnh Hải Dương. Người đại diện theo ủy quyền cho ông D1: Bà Nguyễn Thị Minh D2 – Trưởng phòng giao dịch D3; Địa chỉ: Số 89 D4, phường E2, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Hoàng Mạnh Q**, sinh năm 1988. ĐKKHKT và cư trú: Tổ 5, khu 4, phường X, thành phố X1, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày: Trên cơ sở tự nguyện AB và anh Hoàng Mạnh Q đã ký kết các hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 16046/PGD2 ngày 26/02/2016 với số tiền vay là 190.000.000đ, với mục đích là tiêu dùng. Thời hạn tối đa cho từng lần nhận nợ

là 60 tháng. Lãi suất vay trong hạn là 5,5%/năm, lãi suất được áp dụng theo thông báo lãi suất cho vay của AB Hải Dương tại thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của bên cho vay theo từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn là 140% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng Ngân hàng có điều chỉnh lãi suất của khoản vay. Quá trình thực hiện hợp đồng anh Q đã trả được gốc: 87.283.896 đồng, lãi là: 19.464.873 đồng. Từ ngày 01/10/2017, anh Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên khoản vay của anh Q quá hạn từ ngày 01/10/2017. Tính đến hết ngày 22/9/2022, anh Q còn nợ gốc là 139.026.258đ (trong đó nợ gốc là 102.716.104đ, nợ lãi trong hạn là 29.124.272đ; Lãi quá hạn là 7.185.882đ).

2. Khoản vay theo hình thức hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 21/03/2014.

Anh Q đề nghị Ngân hàng phát hành 6 loại thẻ tín dụng quốc tế gồm: thẻ Visa, Master, JCB, Anipay, Amex, Vietnam Airlines American Ex, hạn mức mỗi loại thẻ là 30.000.000đ. Mục đích sử dụng thẻ là tiêu dùng phục vụ đời sống cá nhân anh Q. Tại thời điểm này, anh Q là nhân viên của Ngân hàng. Theo quy định khi anh Q đề nghị cấp thẻ tín dụng quốc tế, đối chiếu với quy định của Ngân hàng về phát hành thẻ, anh Q đủ điều kiện nên Ngân hàng đã chấp nhận đề nghị của anh Q. Bản chất của hình thức đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế này là một hình thức cấp tín dụng. Anh Q được sử dụng hạn mức tín dụng này để thanh toán các nhu cầu tiêu dùng cá nhân của anh Q mà không phải trả lãi nếu đến kỳ thanh toán anh Q hoàn trả đủ số tiền đã sử dụng cho Ngân hàng. Trường hợp anh Q rút tiền mặt đối với số tiền hạn mức thẻ tín dụng thì anh Q sẽ phải chịu một khoản phí rút tiền mặt theo quy định của Ngân hàng. Toàn bộ các giao dịch của anh Q đều được Ngân hàng thống kê đầy đủ và thông báo cho anh Q vào kỳ sao kê hàng tháng. Theo quy định, đến kỳ sao kê anh Q có trách nhiệm thanh toán số tiền đã sử dụng trong tháng. Nếu anh Q không trả số tiền đã sử dụng trên thì anh Q sẽ phải chịu lãi thẻ tín dụng là 18%/dư nợ gốc/360 ngày (thời điểm trước ngày 01/01/2018) và /365 ngày từ sau ngày 01/01/2018. Anh Q còn chịu các khoản phí theo thỏa thuận giữa hai bên cụ thể: Phí chậm thanh toán bằng 3% số tiền thanh toán tối thiểu và khoản phí vượt hạn mức được tính bằng số tiền vượt hạn mức x 15%/365 ngày x số ngày vượt hạn mức.

Anh Q đã sử dụng các loại thẻ Visa, Master, JCB, Anipay, Amex, Vietnam Airlines American Ex, hạn mức mỗi loại thẻ là 30.000.000đ. Mục đích sử dụng thẻ là tiêu dùng phục vụ đời sống cá nhân anh Q. Theo Điều 5 Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng, chi tiết các khoản phí, lãi được quy định tại biểu phí công bố trên website Vietcombank.com.vn. Các khoản lãi, phí bao gồm: Lãi thẻ tín dụng, Phí vượt hạn mức tín dụng và phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu, phí thường niên. Cơ sở pháp lý để tính các khoản lãi, phí: Theo quy định của AB trụ sở chính và Thông tư quy định về hoạt động thẻ ngân hàng của NHNN (Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/9/2016 quy định về hoạt động thẻ ngân hàng và các văn bản sửa đổi bổ sung). Quá trình thực hiện hợp đồng của anh Q đối với thẻ tín dụng quốc tế cụ thể như sau:

- Thẻ visa (V3401118): Anh Q bắt đầu vi phạm nghĩa vụ từ kỳ sao kê tháng 6/2016. Tổng dư nợ còn lại tính đến ngày 22/9/2022 là **146.547.227**, trong đó nợ gốc

là 16.115.657đ; lãi thẻ là 14.360.870đ, phí vượt hạn mức là 21.216.522đ, phí chậm thanh toán: 94.854.178đ.

- Thẻ JCB (J0340019139): Anh Q bắt đầu vi phạm nghĩa vụ từ kỳ sao kê tháng 3/2017. Tổng dư nợ còn lại tính đến ngày 22/9/2022 là **171.087.661đ**, trong đó nợ gốc là 17.890.524đ; lãi là 16.391.354đ, phí vượt hạn mức là 27.102.591đ, phí chậm thanh toán là 109.613.192đ.

- Thẻ CUP (C0340140): Anh Q bắt đầu vi phạm nghĩa vụ từ kỳ sao kê tháng 5/2017. Tổng dư nợ còn lại tính đến ngày 22/9/2022 là **8.242.693đ** trong đó gốc là 1.198.815đ, lãi là 963.057đ, phí chậm thanh toán là 6.080.821đ.

- Thẻ Amex (A3484728): Anh Q bắt đầu vi phạm nghĩa vụ từ kỳ sao kê tháng 3/2017. Tổng dư nợ còn lại tính đến ngày 22/9/2022 là **23.099.916đ**, trong đó nợ gốc là 2.865.944đ; lãi là 2.629.183đ, phí chậm thanh toán là 17.604.789đ.

- Thẻ AV (AV3400484): Anh Q bắt đầu vi phạm nghĩa vụ từ kỳ sao kê tháng 3/2017. Tổng dư nợ còn lại là **87.756.446đ**, trong đó nợ gốc là 9.691.419đ; lãi là 8.894.473đ, phí vượt hạn mức là 8.227.132đ, phí chậm thanh toán là 60.943.422đ.

- Thẻ Master (3400524): Anh Q bắt đầu vi phạm nghĩa vụ từ kỳ sao kê tháng 6/2016. Tổng dư nợ còn lại là **63.111.721đ**, trong đó nợ gốc là 7.691.119đ; lãi là 7.051.428đ, phí vượt hạn mức là 3.647.343đ, phí chậm thanh toán là 44.721.831đ.

Như vậy từ ngày 20/6/2016, anh Q có biểu hiện chậm thanh toán nghĩa vụ đến hạn. Bắt đầu từ kỳ sao kê ngày 20/4/2017, anh Q không thực hiện các nghĩa vụ nào với Ngân hàng, ngân hàng vẫn tạo điều kiện về thời gian cho anh Q thu xếp việc trả nợ nQ anh Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 22/9/2022, tổng dư nợ của anh Q đối với thẻ tín dụng quốc tế là: **499.845.664đ trong đó dư nợ gốc thẻ tín dụng là: 55.543.478đ, lãi thẻ tín dụng: 50.290.365; phí vượt hạn mức tín dụng là 60.193.588đ và phí chậm thanh toán là 333.818.233đ.**

Sau khi giải ngân, ngân hàng có kiểm tra sử dụng vốn vay của anh Q, xác định anh Q sử dụng vốn vay đúng mục đích, tại thời điểm cho vay, không có thông tin về việc kết hôn của anh Q. Các khoản vay của anh Q tại Ngân hàng không có tài sản bảo đảm. Nay AB giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án buộc anh Q hoàn trả tất cả gốc lãi, phí phát sinh cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và thẻ tín dụng quốc tế với số tiền nêu trên và kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Hoàng Mạnh Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết.

Tại biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị, bị đơn anh Hoàng Mạnh Q trình bày: Anh có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện vẫn sinh sống tại thành phố X1, tỉnh Quảng Ninh. Anh Q xác định đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nQ vì lý do công việc bận nên không thể đến Tòa án làm việc được. Anh xác định có ký kết hợp đồng tín dụng hạn mức và đề nghị mở thẻ tín dụng quốc tế thống nhất như quan điểm của Ngân hàng. Anh xác định số tiền vay, số tiền đã trả, số tiền gốc còn lại, lãi, phí như ngân hàng xác định là đúng vì việc tính toán này hoàn toàn trên hệ thống của Ngân hàng nên anh không có ý kiến gì. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng anh Q hoàn toàn nhất trí tuy nhiên do hiện nay anh gặp khó khăn về kinh tế nên chưa có điều kiện trả nợ cho Ngân hàng. Anh đề nghị Ngân hàng xem xét giảm toàn bộ phần lãi cho anh. Anh xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện. Ngân hàng sẽ xem xét giảm một phần lãi, phí trên cơ sở khả năng tài chính của Ngân hàng và các quy định liên quan. Còn tại thời điểm này anh Q chưa trả được nợ gốc nên Ngân hàng không đồng ý giảm lãi cho anh Q. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Điều 116, Điều 117, Điều 429 Bộ luật dân sự ; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc anh Hoàng Mạnh Q phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn phải thanh toán theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 16046/PGD2 ngày 26/02/2016, tính đến ngày 22/9/2022 và kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Hoàng Mạnh Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận.

Đối với khoản vay theo hình thức thẻ tín dụng quốc tế: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc anh Q phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi và 3% dư nợ gốc + lãi chưa thanh toán, phí thường niên; Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của AB về việc đề nghị Tòa án buộc anh Q phải trả Ngân hàng khoản tiền phí vượt hạn mức tín dụng.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện: Ngày 26/02/2016, AB và anh Hoàng Mạnh Q ký kết hợp đồng tín dụng thời hạn vay đến 26/02/2021. Ngày 11/10/2017, anh Q bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Anh Q còn đề nghị phát hành 6 thẻ tín dụng quốc tế, bắt đầu vi phạm nghĩa vụ từ tháng 6/2016 và tháng 3,5/2017. Ngân hàng cũng tạo điều kiện về thời gian để anh Q trả nợ, anh Q vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ngày 25/6/2021, anh Q và đại diện Ngân hàng đã lập biên bản với anh Q thống nhất các khoản nợ để anh Q thu xếp trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên anh Q cũng không trả được. Do vậy, ngày 15/11/2021, AB khởi kiện anh Hoàng Mạnh Q là đúng quy định Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 429 Bộ luật dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Anh Hoàng Mạnh Q có địa chỉ tại thành phố X1, hợp đồng được thực hiện tại thành phố Hải Dương. Hai bên đã thỏa thuận tranh chấp phát sinh thì Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi Ngân hàng có (đặt trụ sở) Chi nhánh giải quyết. Do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Hoàng Mạnh Q vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh Q là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của AB: AB yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Q phải thanh toán khoản tiền gốc, lãi Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 16046/PGD2 ngày 26/02/2016 và yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/3/2014, các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng tín dụng, Đơn yêu cầu mở thẻ tín dụng quốc tế được giao kết giữa Ngân hàng và anh Hoàng Mạnh Q đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, người tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, phù hợp với quy định tại Điều 121, 122, 124 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, hợp đồng tín dụng, đơn yêu cầu mở thẻ tín dụng quốc tế có hiệu lực pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ, nguyên đơn và bị đơn phải có phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết.

2.1 Đối với Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 16046/PGD2 ngày 26/02/2016, Ngân hàng đã giải ngân cho Q số tiền 190.000.000đ theo chứng từ giao dịch Ủy nhiệm chi ngày 26/02/2016 vào tài khoản của anh Q. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Q đã trả được 87.283.896đ tiền gốc và 19.464.873đ tiền lãi. Từ ngày 01/10/2017, anh Q bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn quá hạn từ ngày 01/10/2017 là phù hợp quy định tại Điều 6 của Hợp đồng tín dụng. Tính đến hết ngày 22/9/2022, anh Q còn nợ là 139.026.258đ (trong đó nợ gốc là 102.716.104đ, nợ lãi trong hạn là 29.124.272đ; Lãi quá hạn là 7.185.882đ). Quá trình giải quyết vụ án, anh Q nhất trí với yêu cầu khởi kiện của AB nQ do anh hiện khó khăn về kinh tế chưa thu xếp trả nợ được. Anh đề nghị Ngân hàng giảm toàn bộ tiền lãi nhưng Ngân hàng không đồng ý việc giảm lãi. Theo quy định tại Điều 4 “Lãi suất cho vay/thấu chi” của hợp đồng tín dụng đã ký kết, trường hợp Ngân hàng không đồng ý giảm tiền lãi, anh Q phải chịu toàn bộ khoản lãi trong hạn, lãi quá hạn theo thỏa thuận. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của AB là có cơ sở chấp nhận, anh Q phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho AB toàn bộ số tiền trên theo thỏa thuận trong hợp đồng hai bên đã ký kết. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị rút vốn kèm giấy nhận nợ đã ký kết.

2.2 Đối với khoản cấp tín dụng theo yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế. Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh Q đề nghị mở 06 loại thẻ tín dụng quốc tế gồm thẻ Visa, Master, JCB, Anipay, Amex, Vietnam Airlines American Ex, hạn mức mỗi loại thẻ là 30.000.000đ. AB đề nghị Tòa án buộc anh Q có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền nợ tính đến ngày 22/9/2022, tổng dư nợ của anh Q đối với 6 thẻ tín dụng quốc tế là:

499.845.664đ trong đó dư nợ gốc thẻ tín dụng là: 55.543.478đ, lãi thẻ tín dụng: 50.290.365; phí vượt hạn mức tín dụng và phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu là 394.011.821đ. Anh Q nhất trí về cách tính lãi, phí nhưng anh đề nghị Ngân hàng giảm toàn bộ tiền lãi cho anh nhưng Ngân hàng không đồng ý.

Căn cứ pháp lý xem xét về khoản tiền lãi và các loại phí:

Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: “ 1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 92 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng như sau: “ 1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng”.

Căn cứ Các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế qui định tại điểm o khoản 2.2 Điều 2 về nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: “Thanh toán đầy đủ đúng hạn cho Ngân hàng các giao dịch chi tiêu, phí và lãi phát sinh theo quy định của Ngân hàng về việc sử dụng thẻ.” và tại khoản 4.1, khoản 4.2, khoản 4.5 và 4.6 Điều 4 qui định về thanh toán và trả nợ như sau: “Chủ thẻ chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các giao dịch ...;Chủ thẻ phải trả cho Ngân hàng các phí ứng tiền mặt, phí chậm thanh toán, phí vượt hạn mức và các loại phí, lãi khác theo biểu phí do Ngân hàng quy định; Hàng tháng vào ngày sao kê, Ngân hàng sẽ liệt kê tất cả các giao dịch của Chủ thẻ phát sinh trong kỳ; Chủ thẻ có trách nhiệm kiểm tra và thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng tất cả các khoản nợ phát sinh như nội dung ghi trên sao kê quy định.”

Căn cứ tại khoản 3 Điều 6 và khoản 2 Điều 22 của Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp quy định về phí dịch vụ thẻ ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định như sau: “Tổ chức phát hành thẻ, Tổ chức thanh toán thẻ phải công bố các loại phí và mức phí cho bên phải trả phí trước khi bên phải trả phí sử dụng dịch vụ” và quy định về nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: “Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thoả thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ.”

Căn cứ Biểu phí phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng áp dụng cho thẻ Vietcombank American Express và thẻ Vietcombank Visa được Ngân hàng công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và bảng mức lãi suất áp dụng cho thẻ tín dụng Vietcombank.

Từ các căn cứ viện dẫn nêu trên, không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bị đơn và quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương về khoản tiền lãi và các loại phí đối với thẻ tín dụng trên.

Anh Q được sử dụng số tiền theo hạn mức thẻ tín dụng đã được cấp từ khi phát hành thẻ, đối với toàn bộ số tiền đã sử dụng đến kỳ sao kê anh Q thanh toán đủ nên không phải chịu lãi, phí. Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 20/6/2016, anh Q có biểu hiện vi phạm nghĩa vụ đến hạn. Bắt đầu từ kỳ sao kê ngày 20/4/2017, anh Q không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào với ngân hàng. Do vậy, AB đề nghị Tòa án buộc anh Q phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tính đến hết ngày 22/9/2022 đối với 6 thẻ tín dụng quốc tế là 499.845.664đ trong đó dư nợ gốc thẻ tín dụng là: 55.543.478đ, lãi thẻ tín dụng: 50.290.365; phí vượt hạn mức tín dụng và phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu là 394.011.821đ. Anh Q còn phải tiếp tục chịu số tiền lãi, phí phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ toàn bộ nghĩa vụ với AB là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của AB được chấp nhận nên không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, anh Hoàng Mạnh Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 40; Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 121, 122, 124, khoản 1 và khoản 5 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Buộc anh Hoàng Mạnh Q phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn phải thanh toán theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 16046/PGD2 ngày 26/02/2016, Giấy đề nghị rút vốn kèm giấy nhận nợ số 01 tính đến ngày 22/9/2022 là **139.026.258đ (trong đó nợ gốc là 102.716.104đ, nợ lãi trong hạn là 29.124.272đ; Lãi quá hạn là 7.185.882đ)**. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Hoàng Mạnh Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị rút vốn kèm giấy nhận nợ số 01 đã ký kết.

Buộc anh Hoàng Mạnh Q phải phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng còn phải thanh toán theo yêu cầu phát hành 06 thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/3/2014, các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với số tiền là **499.845.664đ trong đó dư nợ gốc thẻ tín dụng là: 55.543.478đ, lãi thẻ tín dụng: 50.290.365; phí vượt hạn mức tín dụng là 60.193.588đ và phí chậm thanh toán là 333.818.233đ**, trong đó:

- Thẻ visa (V3401118): 146.547.227 (trong đó nợ gốc là 16.115.657đ; lãi thẻ là 14.360.870đ, phí vượt hạn mức là 21.216.522đ, phí chậm thanh toán: 94.854.178đ);

- Thẻ JCB (J0340019139) là 171.087.661đ: trong đó nợ gốc là 17.980.524đ; lãi là 16.391.354đ, phí vượt hạn mức là 27.102.591đ, phí chậm thanh toán là 109.613.192đ);

Thẻ CUP (C0340140) là 8.242.693đ: trong đó gốc là 1.198.815đ, lãi là 963.057đ, phí chậm thanh toán là 6.080.821đ);

- Thẻ Amex (A3484728) là 23.099.916đ: trong đó nợ gốc là 2.865.944đ; lãi là 2.629.183đ, phí chậm thanh toán là 17.604.789đ);

- Thẻ AV (AV3400484) là 87.756.446đ (trong đó nợ gốc là 9.691.419đ; lãi là 8.894.473đ, phí vượt hạn mức là 8.227.132đ, phí chậm thanh toán là 60.943.422đ);

- Thẻ Master (3400524) là 63.111.721đ (trong đó nợ gốc là 7.691.119đ; lãi là 7.051.428đ, phí vượt hạn mức là 3.647.343đ, phí chậm thanh toán là 44.721.831đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Hoàng Mạnh Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi, phí mà các bên thỏa thuận theo yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế, các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đã ký kết.

2. Về án phí: Buộc anh Hoàng Mạnh Q phải chịu 29.554.800đ án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.109.000đ đồng (ông Tạ Văn Hoàng nộp thay), được thể hiện tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0001984 ngày 26/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hải Dương;
- Chi cục THADS TP Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan